

QUY ĐỊNH
Về chuẩn đầu ra tiếng Anh cho học sinh, sinh viên
không chuyên ngành tiếng Anh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1095 /QĐ-DCT, ngày 22 tháng 7 năm 2014 của
Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho học sinh, sinh viên (HSSV) các trình độ, loại hình và khóa đào tạo, như sau:

1. Sinh viên đại học chính quy từ khóa 05 trở đi
2. Sinh viên cao đẳng chuyên nghiệp từ khóa 14 trở đi
3. Sinh viên cao đẳng nghề từ khóa 07 trở đi
4. Sinh viên đại học liên thông từ khóa 04 trở đi
5. Sinh viên đại học vừa làm vừa học từ khóa tuyển sinh năm 2014 trở đi
6. Học sinh trung cấp chuyên nghiệp từ khóa 32 trở đi
7. Học sinh trung học phổ thông phân luồng từ khóa tuyển sinh năm 2014 trở đi.

Điều 2. Chuẩn đầu ra tiếng Anh

Chuẩn đầu ra tiếng Anh cho các nhóm đối tượng được quy định như sau:

1. Trình độ đại học chính quy và đại học liên thông: đạt chứng chỉ TOEIC từ 400 điểm trở lên
2. Trình độ cao đẳng chính quy, cao đẳng nghề: đạt chứng chỉ TOEIC từ 350 điểm trở lên. Đối với ngành Việt Nam học đạt chứng chỉ TOEIC từ 400 điểm trở lên
3. Trình độ trung cấp chuyên nghiệp: đạt chứng chỉ TOEIC từ 300 điểm trở lên.
4. Trình độ đại học vừa làm vừa học: đạt chứng chỉ Quốc gia tiếng Anh trình độ B
5. Trung học phổ thông: đạt chứng chỉ Quốc gia tiếng Anh trình độ A
6. Trình độ đại học chính quy thuộc đối tượng đào tạo chất lượng cao: đạt chứng chỉ TOEIC từ 450 điểm trở lên

Điều 3. Quy đổi tương đương giữa các trình độ

Trường quy định chứng chỉ quốc gia và chứng chỉ quốc tế TOEIC, tuy nhiên các sinh viên có các chứng chỉ quốc tế khác sẽ được công nhận tương đương theo bảng dưới đây:

Bảng 1. Quy đổi tương đương giữa các trình độ

Các cấp độ	IELTS (0 – 9.0)	TOEFL (PBT) (310-677)	TOEFL (iBT) (0-120)	TOEIC (10-990)	ESOL tests (0-100)
A1	3.0	397-415	30-35	290-340	70-84 KET
A2	3.5	416-436	36-40	350-400	85-100 KET
B1	4.0	437-476	41-52	410-520	70-84 PET
	4.5	477-493	53-58	530-560	70-84 KET
B2	5.0	494-512	59-64	570-620	85-100 PET
	5.5	513-530	65-71	630-670	60-74 FCE FCE-Passing grade C
C1	6.0	531-547	72-78	680-720	75-79 FCE FCE-Passing grade B
C2	6.5	548-600	79-85	720-760	80-100 FCE FCE-Passing grade A

Điều 4. Tổ chức thi phân loại Anh văn đầu vào

1. Đối tượng

a) Tất cả HSSV bậc đại học, cao đẳng chính quy, cao đẳng nghề, trung cấp chuyên nghiệp mới nhập học vào trường.

b) Đối với các HSSV có các chứng chỉ quốc tế ở bảng 2, được miễn thi và miễn học như sau (chứng chỉ còn giá trị theo quy định):

Bảng 2. Danh mục các chứng chỉ quốc tế được miễn thi, miễn học

Các cấp độ Châu Âu	IELTS (0 – 9.0)	TOEFL (PBT) (310-677)	TOEFL (iBT) (0-120)	TOEIC (10-990)	ESOL tests (0-100)	Miễn thi, miễn học
	2.5	380-396	25-29	250-280	65-69 KET	Đại học, cao đẳng chính quy, cao đẳng nghề: Miễn thi Anh văn đầu vào, xếp vào học Anh văn 1
						Trung cấp chuyên nghiệp: Miễn thi Anh văn đầu vào, xếp vào học Anh văn
A1	3.0	397-415	30-35	290-340	70-84 KET	Đại học, cao đẳng chính quy, cao đẳng nghề: Miễn thi Anh văn đầu vào, miễn học Anh văn 1

						Điểm Anh văn 1 (cao đẳng nghề): 10
						Trung cấp chuyên nghiệp: Miễn thi Anh văn đầu vào, miễn học Anh văn Điểm Anh văn: 10
A2	3.5	416-436	36-40	350-400	85-100 KET	Đại học, cao đẳng chính quy, cao đẳng nghề: Miễn thi Anh văn đầu vào, miễn học Anh văn 1, Anh văn 2 Điểm Anh văn 1 (cao đẳng nghề): 10 Điểm Anh văn 2 (cao đẳng nghề): 9
B1	4.0	437-476	41-52	410-520	70-84 PET	Đại học, cao đẳng chính quy, cao đẳng nghề: Miễn thi Anh văn đầu vào, miễn học Anh văn 1, Anh văn 2 Điểm Anh văn 1, Anh văn 2 (cao đẳng nghề): 10

c) Các trường hợp được miễn thi, miễn học phải gửi các chứng chỉ quốc tế về phòng Đào tạo trước khi diễn ra kỳ thi phân loại trình độ Anh văn đầu vào.

2. Thời gian tổ chức: vào đầu năm học mới
3. Hình thức tổ chức: thi trắc nghiệm trên máy vi tính hoặc trên giấy
4. Lịch thi: căn cứ trên phiếu nhập học hoặc trên trang web của phòng Đào tạo
5. Điểm thi và kết quả xếp loại

Bảng 3. Kết quả thi phân loại Anh văn đầu vào

TT	Đối tượng	Điểm	Kết quả
1	Đại học, cao đẳng chính quy	9 - 10 điểm	Miễn học Anh văn 2
		8-8,9 điểm	Miễn học Anh văn 1
		5 điểm - 7,9	Miễn học Anh văn sơ cấp Học Anh văn 1
		0 điểm – 4,9 Không kiểm tra Anh văn	Học Anh văn sơ cấp

		đầu vào	
2	Cao đẳng nghề	9 - 10 điểm	Miễn học Anh văn 2 Điểm Anh văn 1: 10 Điểm Anh văn 2: bằng điểm thi
		8-8,9 điểm	Miễn học Anh văn 1 Điểm Anh văn 1: bằng điểm thi
		5 điểm - 7,9	Miễn học Anh văn sơ cấp Học Anh văn 1
		0 điểm – 4,9 Không kiểm tra Anh văn đầu vào	Học Anh văn sơ cấp
3	Trung cấp chuyên nghiệp	8 - 10 điểm	Miễn học Anh văn Điểm Anh văn: bằng điểm thi
		5 điểm - 7,9	Miễn học Anh văn sơ cấp Học Anh văn
		0 điểm – 4,9 Không kiểm tra Anh văn đầu vào	Học Anh văn sơ cấp

Điều 5. Tổ chức học anh văn sơ cấp

1. Các HSSV không đạt trong kỳ thi phân loại trình độ Anh văn đầu vào phải học Anh văn sơ cấp có kết quả đạt thì mới được học các học phần anh văn trong chương trình đào tạo.
2. Việc tổ chức học tập do phòng Đào tạo phối hợp với Trung tâm ngoại ngữ thực hiện.
3. Môn học Anh văn sơ cấp sẽ được triển khai bắt đầu từ học kỳ 1 và sẽ mở thường xuyên vào các học kỳ chính, học kỳ hè.
4. Sau khi mỗi học kỳ kết thúc, những sinh viên chưa đạt điểm Anh văn sơ cấp liên hệ phòng Đào tạo để được thông báo kế hoạch học lại.

Điều 6. Tổ chức đào tạo cấp chứng chỉ, chứng nhận

1. Tổ chức đào tạo: HSSV đăng ký học tại Trung tâm Ngoại ngữ của Trường hoặc các đơn vị đào tạo khác.
2. Cấp chứng chỉ, chứng nhận:

a) Đối với chứng chỉ quốc gia: HSSV đăng ký kiểm tra tại Trung tâm Ngoại ngữ của Trường. Đối với chứng chỉ Quốc gia tiếng Anh do những cơ sở khác trong nước cấp sẽ phải tham gia một kỳ thi kiểm tra chất lượng do Trường tổ chức.

b) Đối với chứng chỉ quốc tế: Trường phối hợp với công ty IIG tổ chức kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế cho HSSV. HSSV có thể đăng ký kiểm tra tại Trường hoặc các cơ sở của IIG.

3. Các HSSV có chứng nhận, chứng chỉ quốc tế tương đương không phải tham gia kỳ kiểm tra chất lượng của Trường.

Điều 7. Thời hạn chứng chỉ

1. Đối với chứng chỉ Quốc gia do Trường cấp: thời hạn 5 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ

2. Đối với chứng chỉ quốc tế: theo quy định của quốc tế

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ năm học 2014-2015. Quy định này được phổ biến đến các đơn vị có liên quan và đến từng HSSV của trường

2. Trong quá trình áp dụng Quy định này, nếu có vấn đề phát sinh, cần bổ sung, điều chỉnh sửa đổi, các đơn vị làm văn bản đề nghị, phòng Đào tạo sẽ nghiên cứu trình Hiệu trưởng xem xét. Việc điều chỉnh bổ sung các điều khoản của quy định này do Hiệu trưởng quyết định.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Đặng Vũ Ngoạn